

Kiên Giang, ngày 31 tháng 01 năm 2023

HƯỚNG DẪN

Nội dung, phương pháp chấm điểm nội dung 3 trong tiêu chí thi đua quy định tại Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

Thực hiện Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cúp, Khối thi đua trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Hội đồng Thi đua – Khen thưởng (HĐTĐKT) tỉnh hướng dẫn thực hiện và chấm điểm một số quy định tại khoản 3, Điều 7, Chương III, Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, như sau:

1. Hướng dẫn tại khoản 3, Điều 7, Chương III, Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang: Thi đua thực hiện các nhiệm vụ công tác thi đua, khen thưởng (Tổng điểm chuẩn là 100 điểm).

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
1	Triển khai kịp thời, đầy đủ các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng	5 điểm	1.1. Triển khai đầy đủ các văn bản của Trung ương, Bộ Nội vụ và Tỉnh ủy liên quan đến công tác TĐKT ¹ và các văn bản mới của Trung ương, Bộ Nội vụ và Tỉnh ủy ban hành trong năm báo cáo + <i>Triển khai đầy đủ: 2 điểm;</i> + <i>Triển khai không đầy đủ: 1 điểm.</i> + <i>Không triển khai: 0 điểm.</i> 1.2. Triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh ² và các văn bản mới do UBND tỉnh ban	Thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết cụ thể các văn bản đã triển khai; nêu rõ hình thức triển khai, số cuộc, số lượt người tham dự

¹ Gồm: Chỉ thị 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị; Luật Thi đua, khen thưởng; Nghị định 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ; Thông tư số 5/2020/TT-BNV của Bộ Nội vụ; Công văn 1057-CV/TU của Tỉnh ủy ...

² Gồm: Quyết định 24/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng; Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND tỉnh sửa đổi một số điều của Quyết định 24/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 3134/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quy định về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua và chia Cúp, Khối thi đua; các văn bản chỉ đạo khác và các kế hoạch của UBND tỉnh về TĐKT...

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
			hành trong năm báo cáo + <i>Triển khai đầy đủ: 2 điểm;</i> + <i>Triển khai không đầy đủ: 1 điểm.</i> + <i>Không triển khai: 0 điểm.</i> 1.3. Các văn bản chỉ đạo thực hiện và hướng dẫn của Hội đồng TĐKT tỉnh và Ban TĐKT, Sở Nội vụ ban hành trong năm báo cáo + <i>Triển khai đầy đủ: 1 điểm;</i> + <i>Triển khai không đầy đủ: 0,5 điểm.</i> + <i>Không triển khai: 0 điểm.</i>	
2	Có ban hành quy chế công tác TĐKT và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác TĐKT. Hội đồng TĐKT được kiện toàn kịp thời khi có thay đổi và có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng. Hội đồng xét sáng kiến cơ sở được kiện toàn kịp thời khi có thay đổi và có quy chế hoạt động của Hội đồng	13 điểm	2.1. Có ban hành quy chế hoặc quy định về công tác TĐKT của cơ quan, đơn vị, địa phương. + <i>Có ban hành: 2 điểm;</i> + <i>Có ban hành nhưng chưa rà soát, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với quy định hiện hành: 1 điểm.</i> + <i>Không ban hành: 0 điểm.</i> 2.2. Trong năm có ban hành kịp thời các văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành, thực hiện về công tác TĐKT theo thẩm quyền. + <i>Có ban hành đầy đủ và kịp thời: 3 điểm;</i> + <i>Có ban hành đầy đủ nhưng chưa kịp thời: 1 điểm;</i> + <i>Không ban hành: 0 điểm.</i> 2.3. Có Quyết định thành lập Hội đồng TĐKT phù hợp với quy định Luật TĐKT và các văn bản hiện hành (nếu có). + <i>Có ban hành Quyết định thành lập: 2 điểm;</i> + <i>Có ban hành Quyết định thành lập nhưng chưa kiện toàn khi có thành viên thay đổi: 1 điểm;</i> + <i>Không ban hành: 0 điểm.</i> 2.4. Có Quy chế hoạt động Hội đồng TĐKT; sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt	- Quyết định ban hành quy chế hoặc quy định (số, ngày, tháng, năm ban hành). - Văn bản được ban hành (số, ngày, tháng, năm ban hành và trích yếu nội dung văn bản ban hành). - Quyết định thành lập hoặc quyết định kiện toàn (số, ngày, tháng, năm ban hành) - Quy chế hoạt động

STT	Nội dung thi đưa	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
			động kịp thời (nếu có). + Có ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng TĐKT: 2 điểm; + Không ban hành: 0 điểm. 2.5. Hội đồng Sáng kiến cơ sở thành lập đúng quy định, kiện toàn kịp thời (nếu có). + Có ban hành Quyết định thành lập Hội đồng Sáng kiến: 2 điểm; + Có ban hành Quyết định thành lập nhưng chưa kiện toàn khi có thành viên thay đổi: 1 điểm; + Không ban hành: 0 điểm. 2.6. Có Quy chế hoạt động Hội đồng Sáng kiến cơ sở; có sửa đổi bổ sung Quy chế hoạt động kịp thời (nếu có). + Có ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng Sáng kiến: 2 điểm; + Không ban hành: 0 điểm	của Hội đồng (số, ngày, tháng, năm ban hành) - Quyết định thành lập Hội đồng xét sáng kiến; Quyết định kiện toàn (số, ngày, tháng, năm ban hành) - Quy chế hoạt động của Hội đồng (số, ngày, tháng, năm ban hành)

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
3	Tổ chức triển khai, phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua hàng năm; thi đua theo đợt, chuyên đề đúng thẩm quyền	14 điểm	3.1. Có ban hành kế hoạch hoặc văn bản phát động thi đua thực hiện nhiệm vụ chính trị hoặc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm theo thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. + Có ban hành: 2 điểm; + Không ban hành: 0 điểm 3.2. Có sơ kết và tổng kết kế hoạch phát động thi đua đã nêu ở mục 3.1 và đề xuất khen thưởng hoặc tổ chức khen thưởng theo thẩm quyền. + Có đầy đủ 02 báo cáo: 2 điểm; + Thiếu báo cáo sơ kết hoặc báo cáo tổng kết hoặc báo cáo không có số liệu chứng minh công tác khen thưởng thường xuyên: 1 điểm; + Không có báo cáo: 0 điểm. 3.3. Trong năm có ban hành kế hoạch phát động thi đua theo đợt hoặc phát động thi đua chuyên đề đúng chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền. + Có ban hành: 2 điểm; + Không ban hành: 0 điểm 3.4. Có sơ kết và tổng kết kế hoạch phát động thi đua theo đợt hoặc phát động thi đua chuyên đề đã phát động ở mục 3.3 (có thể lồng ghép vào báo cáo sơ kết 6 tháng hoặc tổng kết năm về thi đua khen thưởng, tuy nhiên phải xây dựng đề mục riêng về thi đua chuyên đề, theo đợt). + Có thực hiện sơ kết và tổng kết: 3 điểm; + Chỉ thực hiện sơ kết hoặc tổng kết: 1,5 điểm; + Không thực hiện: 0 điểm 3.5. Kết quả khen thưởng thi đua chuyên đề, theo đợt theo thẩm quyền đã phát động ở mục 3.3	- Kế hoạch hoặc văn bản phát động hoặc văn bản phát động thi đua (số, ngày, tháng, năm ban hành). - Báo cáo sơ kết 6 tháng và tổng kết năm công tác TĐKT, kết quả thực hiện (có số liệu chứng minh khen thưởng thường xuyên hàng năm) - Kế hoạch phát động thi đua chuyên đề, theo đợt (số, ngày, tháng, năm ban hành). - Báo cáo sơ kết và tổng kết (báo cáo cần đánh giá tình hình triển khai, kết quả thực hiện kế hoạch thi đua đã phát động; đánh giá mặt được, hiệu quả đạt được từ phong trào thi đua, mô hình tiêu biểu, điển hình tiên tiến qua và hạn chế qua phát động thi đua chuyên đề).

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
			+ Có số liệu chứng minh khen thưởng đầy đủ các phong trào thi đua: 2 điểm; + Khen thưởng không đầy đủ các phong trào thi đua: 1 điểm; + Không có khen thưởng: 0 điểm. 3.6. Đánh giá hiệu quả thi đua chuyên đề, theo đợt đã phát động ở mục 3.3 + Có hiệu quả, được nhân rộng: 3 điểm; + Có hiệu quả, không nhân rộng: 1 điểm. * Lưu ý: Tùy theo tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị và theo chức năng, nhiệm vụ được phân công, từng cơ quan, đơn vị phát động thi đua theo đợt, theo chuyên đề và đề xuất khen thưởng theo thẩm quyền; có thể lồng ghép làm chung nhưng trong báo cáo sơ, tổng kết phong trào thi đua phải có đề mục cụ thể, đánh giá kết quả, hiệu quả phong trào thi đua và có số liệu chứng minh.	- Trong báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá nêu rõ hiệu quả của chuyên đề tác động tới phát triển KT-XH từng địa phương; tác động đến nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị; tác động đến năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh... như thế nào? Mô hình mới được phát hiện qua phong trào? Kết quả nhân rộng đến thời điểm báo cáo ra sao?
4	Hưởng ứng các PTTĐ do Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan cấp tỉnh phát động (Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQ tỉnh..) và phát động, hưởng ứng các PTTĐ do Trung ương phát động ³	13 điểm	4.1. Có ban hành kế hoạch phát động thi đua hoặc văn bản triển khai, hưởng ứng các phong trào thi đua do Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan cấp tỉnh phát động (Ủy ban MTTQ, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo,...) còn trong giai đoạn thi đua hoặc giai đoạn mới phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị⁴ + Có ban hành đầy đủ, kịp thời các kế hoạch: 3 điểm; + Thiếu 01 phong trào thi đua trừ 0,5 điểm	- Kế hoạch phát động hoặc văn bản hưởng ứng thi đua (Số, ngày, tháng, năm ban hành).

³ Các phong trào do TW phát động: Phong trào thi đua “ Chung sức xây dựng nông thôn mới”; Phong trào thi đua “Chung tay vì người nghèo và công tác xã hội-từ thiện”; Phong trào thi đua “Doanh nghiệp Kiên Giang hội nhập và phát triển”; Phong trào thi đua “CBCCVC thi đua thực hiện văn hóa công sở”; ...

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
	phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, địa phương, đơn vị.		+ Không ban hành: 0 điểm 4.2. Có đề xuất khen thưởng hoặc khen thưởng theo thẩm quyền đối với các kế hoạch đã phát động ở mục 4.1 + Có khen thưởng đầy đủ các phong trào đã phát động: 2 điểm; + Khen thưởng không đầy đủ các phong trào: 1 điểm (trừ các phong trào chưa đến thời gian quy định khen thưởng) + Không có khen thưởng: 0 điểm 4.3. Có ban hành kế hoạch phát động thi đua hoặc văn bản tiếp tục hưởng ứng các phong trào thi đua trọng tâm do Trung ương phát động phù hợp với chức năng nhiệm vụ. + Ban hành đầy đủ các phong trào: 4 điểm (phù hợp chức năng, nhiệm vụ); + Thiếu 01 phong trào: Trừ 1 điểm + Không ban hành: 0 điểm. 4.4. Có báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm hoặc giai đoạn các phong trào thi đua do Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cơ quan cấp tỉnh phát động đã nêu ở mục 4.1 và 4.3. + Báo cáo nêu đầy đủ các phong trào: 2 điểm; + Báo cáo nêu chưa đầy đủ các phong trào: 1 điểm (báo cáo nêu đầy đủ các phong trào nhưng trễ thời gian theo quy định trừ 0,5 điểm). 4.5. Kết quả đề xuất khen thưởng và khen thưởng theo thẩm quyền đối với các các phong trào thi đua trọng tâm do Trung ương phát động.	- Có số liệu chứng minh cụ thể nêu trong báo cáo. - Kế hoạch phát động hoặc văn bản tiếp tục hưởng ứng (Số, ngày, tháng, năm ban hành). - Có báo riêng sơ, tổng kết riêng theo hướng dẫn hoặc hàng năm lồng ghép vào báo cáo sơ kết 6 tháng, tổng kết năm đối với nội dung thực hiện các phong trào này.

⁴ Gồm: Phong trào thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và Kế hoạch 5 năm (2021-2025) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Phong trào thi đua “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua “Dân Vận khéo”; Phong trào thi đua “thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”; Phong trào thi đua “chuyển đổi số quốc gia”...

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
			+ Có số liệu chứng minh khen thưởng đầy đủ các phong trào: 2 điểm; + Khen thưởng không đầy đủ các phong trào: 1 điểm; + Không có số liệu chứng minh: 0 điểm.	
5	Thực hiện công tác tuyên truyền về TĐKT. Công tác phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến của cơ quan, đơn vị và địa phương	14 điểm	5.1. Có ban hành kế hoạch công tác thông tin, tuyên truyền về TĐKT (sau 20 ngày khi có kế hoạch chính thức của UBND tỉnh) + Ban hành đảm bảo thời gian: 2 điểm; + Ban hành trễ thời gian: 1 điểm; + Không ban hành: 0 điểm. 5.2. Kết quả thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền theo kế hoạch. + Có số liệu chứng minh: 2 điểm; + Không có số liệu chứng minh: 0 điểm. 5.3. Lãnh đạo, thực hiện đổi mới công tác thông tin tuyên truyền (hình thức, nội dung công tác tuyên truyền phải có điểm mới so với năm trước) + Có thực hiện: 2 điểm; + Không thực hiện: 0 điểm. 5.4. Hàng năm hoặc giao đoạn ban hành kế hoạch thực hiện công tác phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng điển hình tiên tiến. + Có ban hành kế hoạch: 2 điểm; + Không ban hành kế hoạch: 0 điểm. 5.5. Thực hiện nhân rộng, biểu dương điển hình tiên tiến gắn với hội nghị tổng kết PTTĐ của cơ quan, đơn vị.	- Có ban hành Kế hoạch riêng hoặc lồng ghép công tác thông tin, tuyên truyền vào kế hoạch công tác TĐKT của cơ quan, đơn vị. - Lồng ghép vào báo cáo kết quả thực hiện công tác tuyên truyền (nội dung, hình thức tuyên truyền, số cuộc, số người dự) - Trong báo cáo nêu rõ kết quả đổi mới công tác thông tin tuyên truyền như thế nào? Đổi mới nội dung hay hình thức hay phương pháp tuyên truyền so với năm trước liên kề...? - Kế hoạch hoặc văn bản hướng dẫn (số, ngày, tháng, năm ban hành). - Trong báo cáo nêu rõ tên tập thể, cá nhân điển hình; tên

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
			+ Có thực hiện: 3 điểm; + Không thực hiện: 0 điểm. 5.6. Trong năm có giới thiệu mô hình, gương điển hình, mô hình mới, cách làm hay gửi Hội đồng TĐKT tỉnh để khảo sát, tuyên truyền (Mô hình, điển hình mới được phát hiện và hoạt động bước đầu có hiệu quả) + Có giới thiệu: 3 điểm; + Không giới thiệu: 0 điểm.	mô hình mới, hiệu quả của các mô hình, cách làm hay...) được biểu dương tại hội nghị. - Văn bản giới thiệu mô hình điển hình theo yêu cầu của Hội đồng TĐKT tỉnh hoặc cơ quan, đơn vị tự làm văn bản giới thiệu khi có mô hình mới, cách làm hay, gương điển hình..
6	Thực hiện công tác khen thưởng (15 điểm)			
	- Công tác thẩm định hồ sơ và trình khen thưởng đảm bảo công khai, minh bạch, chính xác, kịp thời và đúng thời gian quy định.	5 điểm	6.1. Thực hiện đúng tuyến trình, thẩm quyền và 100% hồ sơ trình được cấp trên xét khen. + 100% hồ sơ trình khen đều đạt: 3 điểm + Nếu cứ 1% hồ sơ trả về hoặc đơn vị đề nghị đình chính thông tin do trình sai thì trừ 0,5 điểm, tối đa không quá 03 điểm. 6.2. Thực hiện trình hồ sơ khen thưởng đảm bảo đúng thời gian quy định. + Thực hiện đảm bảo thời gian: 2 điểm; + Nộp trễ so thời gian quy định: 0 điểm	- Thông báo kết quả thẩm định hồ sơ trình khen của Ban TĐKT hoặc văn bản đề nghị đình chính của đơn vị. - Theo Thông báo của Ban TĐKT
	Khen thưởng theo thẩm quyền đối với cá nhân không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý	4 điểm	+ Thực hiện đạt từ 65% trở lên: 4 điểm + Thực hiện từ 55% đến dưới 65%: 1 điểm + Thực hiện dưới 55%: 0 điểm * Lưu ý: Đối với các cơ quan, đơn vị	Báo cáo (lồng ghép trong báo cáo tổng kết năm về TĐKT; có số liệu ở bảng thống kê kết quả khen và so sánh tỷ

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
	hoặc người trực tiếp lao động, công tác đạt từ 65% trở lên		số lượng người lao động dưới 20 người thì khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác theo thẩm quyền phải đạt từ 55% trở lên so với tổng số cá nhân được khen thưởng trong năm. * Công thức tính điểm: Tổng số cá nhân không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc người trực tiếp lao động công tác được khen theo thẩm quyền (tính cả khen chuyên đề, đợt) trong năm: (chia) Tổng số cá nhân được khen theo thẩm quyền trong năm x (nhân) 100%	lệ).
	Đề xuất cấp tỉnh hoặc tương đương khen thưởng đối với cá nhân không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc người trực tiếp lao động, công tác đạt từ 60% trở lên	4 điểm	+ Thực hiện từ 60% trở lên: 4 điểm + Thực hiện từ 55% đến dưới 60%: 1 điểm + Thực hiện dưới 55%: 0 điểm * Lưu ý: Đối với các cơ quan, đơn vị số lượng người lao động dưới 20 người thì khen thưởng cho người trực tiếp lao động, công tác theo thẩm quyền đạt từ 55% trở lên so với tổng số cá nhân được khen thưởng trong năm. * Công thức tính điểm: cá nhân không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc người trực tiếp lao động công tác được cấp tỉnh hoặc tương đương khen (tính cả khen chuyên đề, đợt) trong năm: (chia) Tổng số cá nhân được cấp tỉnh hoặc tương đương trong năm x (nhân) 100%.	Báo cáo (lồng ghép trong báo cáo tổng kết năm về TĐKT; có số liệu ở bảng thống kê kết quả khen và so sánh tỷ lệ).

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
	Phát hiện tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất và khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng	2 điểm	Người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng phát hiện tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có thành tích nổi bật đột xuất thì chủ động khen theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen. + Có thực hiện: 2 điểm + Không thực hiện: 0 điểm	- Quyết định khen (Số, ngày, tháng, năm ban hành và cơ quan ban hành) - Có số liệu chứng minh trong báo cáo về khen thành tích nổi bật, đột xuất.
7	Có kế hoạch và triển khai thực hiện công tác kiểm tra hoặc tự kiểm tra, giám sát về công tác TĐKT. Giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo liên quan công tác TĐKT đúng quy định, không để tồn đọng.	11 điểm	7.1. Có ban hành kế hoạch kiểm tra hoặc kế hoạch tự kiểm tra về công tác TĐKT theo chỉ đạo của UBND tỉnh. (Đối với các cơ quan, đơn vị không có tổ chức trực thuộc thì ban hành kế hoạch tự kiểm tra) + Có ban hành kế hoạch: 3 điểm ; + Không có kế hoạch: 0 điểm 7.2. Có tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và có báo cáo kết quả kiểm tra TĐKT. (Đối với các cơ quan, đơn vị không có tổ chức trực thuộc thì làm báo cáo tự kiểm tra). + Có tổ chức kiểm tra và có báo cáo: 2 điểm ; + Không tổ chức kiểm tra và không có báo cáo : 0 điểm 7.3. Ban hành văn bản chấn chỉnh công tác TĐKT đối với các đơn vị trực thuộc sau kiểm tra. (Đối với các cơ quan, đơn vị không có tổ chức trực thuộc thì đối chiếu hạn chế trong kết quả tự kiểm tra, ban hành văn bản nội bộ chỉ đạo công chức, viên chức khắc phục; đồng thời đối chiếu với hạn chế của các năm liền kề, trường hợp hạn chế nhiều năm giống nhau chưa khắc phục kịp thời xem như chưa làm tốt thì không có điểm). + Có văn bản chấn chỉnh hoặc khắc phục tốt các hạn chế qua kiểm tra: 3	- Kế hoạch kiểm tra hoặc kế hoạch tự kiểm tra (số, ngày, tháng, năm ban hành) - Báo cáo kết quả kiểm tra hoặc báo cáo tự kiểm tra. - Công văn chấn chỉnh (Số, ngày, tháng, năm) hoặc trong báo cáo thể hiện rõ đã khắc hạn chế gì qua kiểm tra hoặc tự kiểm tra.

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
			<i>điểm;</i> + Không có văn bản chấn chỉnh hoặc chưa khắc phục tốt các hạn chế qua kiểm tra: 0 điểm 7.4. Giải quyết hoặc phối hợp giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có) đúng quy định hoặc phản ánh, kiến nghị của cán bộ, công chức liên quan đến công tác TĐKT và gửi kết quả về Ban TĐKT tỉnh (trường hợp không có đơn, thư cũng phải ghi rõ trong báo cáo). + Thực hiện đạt 100% hoặc không có đơn thư khiếu nại, tố cáo về TĐKT: 3 điểm; + Thực hiện không đạt 100% đơn: 1 điểm	- Báo cáo sơ kết và tổng kết năm (ghi rõ, mục giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo về TĐKT, có số liệu chứng minh). Nếu không có đơn thư cũng phải ghi rõ trong báo cáo.
8	Tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ làm công tác TĐKT. Công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác TĐKT	5 điểm	* Đối với các cơ quan, đơn vị 8.1. Có bố trí, phân công cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng. + Có bố trí cán bộ: 2 điểm; + Không bố trí: 0 điểm. 8.2. Cử lãnh đạo, công chức dự tập huấn đủ, đúng thành phần theo thông báo của Hội đồng TĐKT tỉnh. + Tham dự đầy đủ: 3 điểm; + Tham dự không đầy đủ: 0 điểm. * Đối với cấp huyện: 8.1. Có bố trí, phân công cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng. + Có bố trí cán bộ: 2 điểm; + Không bố trí: 0 điểm. 8.2. Có ban hành Kế hoạch và mở lớp bồi dưỡng, tập huấn tại địa phương. + Có ban hành kế hoạch và tổ chức tập huấn: 2 điểm; + Có ban hành kế hoạch nhưng không tổ chức tập huấn: 1 điểm; + Không ban hành kế hoạch: 0 điểm. 8.3. Dự đủ, đúng thành phần do tỉnh	- Quyết định phân công hoặc văn bản phân công... - Kế hoạch tập huấn (số, ngày, tháng, năm ban hành) - Thông báo tập

STT	Nội dung thi đua	Điểm chuẩn 100	Yêu cầu nội dung và cơ cấu điểm đạt	Tài liệu chứng minh
			tổ chức (hoặc Trung ương) tổ chức. + <i>Tham dự đầy đủ: 1 điểm;</i> + <i>Tham dự không đầy đủ: 0 điểm.</i>	huấn hoặc giấy mời; thể hiện trong nội dung báo cáo năm. - Ban thi đua, khen thưởng theo dõi danh sách tham dự tập huấn.
9	Thực hiện chế độ thông tin báo cáo 6 tháng, năm và các báo cáo khác đầy đủ, đúng thời gian quy định.	10 điểm	9.1. Báo cáo sơ kết công tác TĐKT 6 tháng đầu năm gửi về Ban TĐKT trước ngày 15/6 hàng năm (theo yêu cầu của Ban BTĐKTTW sớm hơn thì Ban TĐKT tỉnh sẽ thông báo bằng văn bản cụ thể). + <i>Thực hiện đảm bảo yêu cầu thời gian 3 điểm;</i> + <i>Thực hiện báo cáo trễ: 2 điểm;</i> + <i>Không gửi báo cáo: 0 điểm.</i> 9.2. Báo cáo tổng kết công tác TĐKT năm gửi về ban TĐKT trước ngày 15/12 hàng năm (theo yêu cầu của Ban TĐKTTW sớm hơn thì Ban TĐKT tỉnh sẽ thông báo bằng văn bản cụ thể). + <i>Thực hiện đảm bảo yêu cầu thời gian 4 điểm;</i> + <i>Thực hiện báo cáo trễ: 3 điểm;</i> + <i>Không gửi báo cáo: 0 điểm.</i> - Các báo cáo khác theo yêu cầu của UBND hoặc HĐTĐKT tỉnh, Ban TĐKT tỉnh. + <i>Thực hiện đầy đủ các báo cáo và đảm bảo yêu cầu thời gian: 3 điểm;</i> + <i>Thực hiện đầy đủ các báo cáo nhưng có báo cáo trễ thì trừ 0,5 điểm/01 báo cáo.</i> + <i>Thực hiện cứ thiếu 01 báo cáo thì trừ 01 điểm;</i> + <i>Không gửi báo cáo: 0 điểm.</i>	

2. Một số nguyên tắc chung trong việc theo dõi thực hiện nội dung 3

2.1. Việc gửi văn bản về cơ quan Thường trực Hội đồng TĐKT tỉnh (qua Phòng Hành chính tổng hợp và Văn thư lưu trữ) địa chỉ 09 Mạc Đĩnh Chi, P. Vĩnh Thanh, TP. Rạch Giá, Email: hoidongtdtktiengiang@gmail.com bằng một trong 4 cách: (1) Gửi bằng hộp thư điện tử (Email) phải là văn bản chính được scan định dạng File PDF; (2) gửi qua trang hồ sơ công việc Sở Nội vụ (3) Gửi bằng đường bưu điện, tính theo dấu bưu điện nơi đi; (4) trực tiếp gửi tại Phòng Hành chính tổng hợp và Văn thư lưu trữ (có ký nhận).

2.2. Cơ quan Thường trực Hội đồng TĐKT sẽ thông báo kết quả nhận được văn bản của các cơ quan, địa phương, đơn vị để đối chiếu, phản hồi thông tin vào tháng 7 và tháng 12 hàng năm.

2.3. Cơ quan Thường trực Hội trường TĐKT tỉnh, căn cứ báo cáo tổng kết và văn bản chứng minh của các cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện chấm điểm nội dung 3 và thông báo kết quả chấm điểm để cụm, khối thi đua thuộc tỉnh hợp đánh giá xếp loại, suy tôn đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua cuối năm (các cơ quan, đơn vị không tự chấm).

2.4. Đối với khối thi đua các phòng, ban thuộc sở, ngành tỉnh và cấp huyện, căn cứ vào hướng dẫn này, cụ thể hóa nội dung tiêu chí thi đua cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 55/HD-HĐTĐKT ngày 07/6/2022 của Hội đồng TĐKT tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về cơ quan Thường trực Hội TĐKT tỉnh (qua Ban TĐKT tỉnh hoặc chuyên viên phụ trách) để xem xét hướng dẫn./. *Đu*

Nơi nhận:

- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- Thành viên các Cụm, Khối thi đua thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- Phòng Nội vụ các huyện, TP;
- Lãnh đạo Ban TĐKT;
- Chuyên viên Ban TĐKT;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ
Huỳnh Xuân Luật**